TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 10/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Lý;

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số B, đường H, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Văn H, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Số B, đường H, khu phố G, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N1 và ông Trần Văn H chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (nay là xã T, tỉnh Ninh Bình), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2002, quyển số 01, ngày 08 tháng 9 năm 2002.

Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2018 đến nay vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác biệt và cách xử lý các công việc nội bộ gia đình. Mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên bà N1 và ông H không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Bà N1 nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chỉ còn ràng buộc với nhau về mặt pháp lý nên bà N1 yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà N1 và ông H có 01 người con chung là cháu Trần Đức H1, sinh ngày 05/6/2003. Cháu Trần Đức H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyệt không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận được ý kiến của ông H.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Trần Văn H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 16 tháng 4 năm 2025, bà Nguyễn Thị Thu N có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn H; đối với cháu Trần Đức H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Nên đây là vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Trần Văn H đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh).

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn H vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà N1 và ông H chung sống từ năm 2002, ngày 08 tháng 9 năm 2002 ông bà đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Nay là xã T, tỉnh Ninh Bình), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 90/2002. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà N1 và ông H là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; do đó hôn nhân giữa bà N1 và ông H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà N1 xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, từ năm 2018 đến nay thì vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi gay gắt mà nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc tính tình không hợp nhau, quan điểm sống khác biệt và cách xử lý các công việc nội bộ gia đình. Mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng nên bà N1 và ông H không còn sống chung từ năm 2018 đến nay. Như vậy, căn cứ vào lời trình bày của bà N1, nhận thấy, bà N1 và ông H không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông H nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Căn cứ vào những phân tích nêu trên, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà N1 và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà N1, cho bà N1 được ly hôn với ông H.

[2.2] *Về con chung*: Bà N1 và ông H có 01 người con chung là cháu Trần Đức H1, sinh ngày 05/6/2003. Cháu Trần Đức H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyệt phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, ông H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu N về việc "Ly hôn" với bị đơn là ông Trần Văn H.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Thu N được ly hôn với ông Trần Văn H.

1.2. *Về con chung*: Cháu Trần Đức H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Thu N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001761 ngày 17/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 15-Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 15 - TPHCM;
- CQTHADS Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 15);
- UBND xã Thanh Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng